

Số: 02/2018/QĐ-PT

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Với Hội đồng phiên họp phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Mạc Minh Quang.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thủy.

Ông Nguyễn Văn Chắt.

- Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 18/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã căn cứ vào các Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc Hủy hợp đồng chuyển nhượng tài sản giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ: phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trọng A – Giám đốc công ty.

- Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ K.

Địa chỉ: đại lộ N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Xuân L – Chủ tịch HĐQT.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn U – Giám đốc Ngân hàng B, chi nhánh Hải Dương.

Người được ông U ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trọng Q; địa chỉ: đường X, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Lê Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ: phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 nguyên đơn Công ty TNHH Đ do ông Lê Trọng A là đại diện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lê Thị M kháng cáo toàn bộ quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Kháng cáo của Công ty TNHH Đ (gọi tắt là công ty Đ) và bà Lê Thị M trong thời hạn nên là kháng cáo hợp lệ.

Xét kháng cáo của Công ty TNHH Đ và bà Lê Thị M:

+ Xét quyền khởi kiện của các đương sự thì thấy: Ngày 04/8/2016 Tòa án nhận được đơn khởi kiện của Công ty Đ, có nội dung yêu cầu Tòa án Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng tài sản số 01/2009/HĐCN ngày 30/11/2009 giữa Ngân hàng B- chi nhánh Hải Dương (nay là Ngân hàng B), công ty TNHH Đ và công ty cổ phần thương mại và dịch vụ K (gọi tắt là công ty K) với các lý do: Ngân hàng B chi nhánh Hải Dương chưa thanh lý hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng thế chấp; từ khi ký hợp đồng công ty K chưa thông báo số tiền đã chuyển trả và trả chứng từ cho công ty Đ; tài sản chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản có một phần tài sản của bà Lê Thị M và khi chuyển nhượng chưa được sự đồng ý của bà M.

Ông Lê Trọng A là người đại diện theo pháp luật cho công ty Đ, nhân danh công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng tài sản số 01/2009/HĐCN ngày 30/11/2009 với đại diện của các bên là ngân hàng B và công ty K là phù hợp với điểm e khoản 2 Điều 55 Luật doanh nghiệp năm 2005. Nay công ty Đ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của công ty bị các bên còn lại xâm phạm nên công ty Đ do ông Lê Trọng A là người đại diện có quyền khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà M: Ngày 30/12/2016 bà Lê Thị M có đơn đề nghị đưa bà tham gia tố tụng vụ án và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng tài sản 01/2009/HĐCN ngày 30/11/2009. Ngày 20/01/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu này của bà và xác định bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Lý do bà yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng tài sản là ngày 22/8/2009 bà có góp vốn kinh doanh trị giá 2.666.000.000đ bằng hiện vật vào công ty Đ. Khi công ty Đ chuyển nhượng tài sản cho công ty K thì đã chuyển nhượng cả phần tài sản mà bà đã góp vào công ty Đ khi chưa được sự đồng ý của bà; việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng bà không tham gia và cũng không biết. Đến năm 2011 bà mới được biết việc chuyển nhượng tài sản này và do không đồng ý nên ngày 30/12/2016 bà có

đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng. Đối với yêu cầu này của bà M, Tòa án thấy rằng bà M không phải là thành viên công ty TNHH Đ và không trực tiếp ký kết hợp đồng chuyển nhượng tài sản số 01/2009/HĐCN ngày 30/11/2009 nên căn cứ theo Điều 425 Bộ luật dân sự (viết tắt là BLDS) năm 2005 nay là Điều 423 BLDS năm 2015 thì bà M không có quyền khởi kiện yêu cầu Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng tài sản nói trên.

+ Xét thời hiệu khởi kiện, thì thấy: Tại phiên họp hôm nay ông Lê Trọng A cho rằng công ty K chưa thanh toán tiền cho công ty Đ nên hợp đồng chuyển nhượng vẫn đang thực hiện, vì vậy chưa hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì công ty K đã thanh toán vào tài khoản của công ty Đ mở tại Ngân hàng B chi nhánh Hải Dương tổng số tiền là 7.370.000.000đ (trong đó gồm có cả thuế VAT) để trả nợ vay của công ty Đ cho ngân hàng. Như vậy hợp đồng chuyển nhượng các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán và ngày 08/4/2011 công ty K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà. Và cũng chính thời điểm ngày 08/4/2011 ông A cho rằng đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của công ty bị xâm phạm. Nhưng đến ngày 04/8/2016 công ty TNHH Đ mới nộp đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 429 BLDS năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Vì vậy, kể từ thời điểm ông A là người đại diện cho công ty Đ biết quyền và lợi ích hợp pháp của công ty bị xâm phạm (ngày 08/4/2011) cho đến ngày 04/8/2016 công ty Đ mới nộp đơn khởi kiện đã quá 03 năm, nên hết thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/6/2017 công ty K có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho công ty TNHH Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo về việc gửi quyết định đình chỉ không đúng thời hạn luật định: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 21/7/2017 và đến ngày 02/8/2014 mới gửi quyết định qua đường bưu điện cho các đương sự, như vậy là vi phạm khoản 3 Điều 217 BLTTDS. Tuy nhiên vi phạm này không làm ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của đương sự, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Do đó cần rút kinh nghiệm với Thẩm phán về thiếu sót này.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của công ty TNHH Đ và bà Lê Thị M, cần giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp.

Công ty TNHH Đ và bà Lê Thị M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ và bà Lê Thị M; giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 18/2017/QĐST-DS ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

2. Công ty TNHH Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ do ông Lê Trọng A nộp thay theo biên lai thu số AB/2014/0004589 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Bà Lê Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ do ông Lê Trọng A nộp thay cho bà M theo biên lai thu số AB/2014/0004588 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (15/01/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND TP. Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Mạc Minh Quang